

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN
Địa chỉ: Số 61, Ngõ 562 Đường Láng, Láng Hạ
Đống Đa, Hà Nội.

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III năm 2010

ĐẾN Số: 54057

Giờ: Ngày 15 tháng 10 năm 2010
Chỉ tiêu

Đơn vị tính: VNĐ

ĐƠN		Giờ	Ngày	Tháng	Năm	2010		
		Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2010	Quý này năm trước	Lũy kế 9 tháng năm nay	Lũy kế 9 tháng cùng kỳ năm trước
1		2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	VI.25	14,963,239,910	950,000,000	26,970,518,819	1,404,545,455	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	VI.26				-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	VI.27	14,963,239,910	950,000,000	26,970,518,819	1,404,545,455	
4. Giá vốn hàng bán		11	VI.28	14,816,582,417	-	16,714,822,909	-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		20		146,657,493	950,000,000	10,255,695,910	1,404,545,455	
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	VI.29	12,886,506,970	169,895,759	13,715,035,136	461,131,827	
7. Chi phí hoạt động tài chính		22	VI.30	34,799,746	7,319,688	104,997,336	7,319,688	
Trong đó: Chi phí lãi vay		23		34,799,746	7,319,688	104,997,336	7,319,688	
8. Chi phí bán hàng		24		-	-	27,192,000	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25		938,938,994	163,439,715	2,705,595,499	527,941,811	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		30		12,059,425,723	949,136,356	21,132,946,211	1,330,415,783	
11. Thu nhập khác		31		-	5,500	1,050,548,175	11,000	
12. Chi phí khác		32		413,224,144	-	1,160,580,275	-	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		40		(413,224,144)	5,500	(110,032,100)	11,000	
14. Phần Lãi hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, Liên kết		45		18,020,509		(398,634,015)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		50		11,664,222,088	949,136,356	20,624,280,096	1,330,426,783	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	VI.31	3,072,414,562	166,098,862	5,449,289,226	232,824,687	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	VI.32					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		60		8,591,807,526	783,037,494	15,174,990,870	1,097,602,096	
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		61		(22,618,981)		(28,317,484)		
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		62		8,614,426,507	783,037,494	15,203,308,354	1,097,602,096	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		70		1,013	224	1,789	314	

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Gia Long

Chu Thị Thanh Vân

Vũ Thị Hồng Nhung